

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 16-4-2019  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Quốc Văn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Công Định
2. Ông Lý Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Ngọc B (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện Thới Bình, Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02- 5-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị B được gia đình hai bên tổ chức lễ thành hôn năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống do anh đi làm ăn xa, ở tại nhà chị B cũng bỏ đi từ năm 2013 cho đến nay, anh xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có hai người con chung là Lê Chí N, sinh ngày 07-10-1996 và Lê Tuyết L, sinh ngày 01- 4-2002, hiện anh T đang nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con còn cháu N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Theo bản tự khai ngày 24-3-2019 bị đơn chị Phạm Ngọc B trình bày:*

Chị thống nhất ly hôn với anh T; về con chung chị chấp nhận giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, còn cháu N đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc anh T yêu cầu ly hôn với chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị B được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh T và chị B tự N chung sống với nhau như vợ chồng năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L được chị B chấp nhận, còn cháu L có N vọng sống cùng với anh T nên giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Đối với cháu N đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Tài sản chung: Anh T và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh T đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Ngọc B.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Phạm Ngọc B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Tuyết L, sinh ngày 01-4-2002 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con, chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11-01-2019 anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005884 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Quốc Văn**